

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **105/2025/HS-PT**

Ngày: 29 – 4 – 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 90/2025/TLPT-HS, ngày 03/3/2025 đối với bị cáo Hồ X, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Hồ Xuân**. Sinh ngày 01/5/1939, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 2/10; con ông Hồ H và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị E, sinh năm 1943 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1971, con nhỏ nhất sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2023 cho đến nay - *Có mặt*.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ X: Bà Trần Thị Phương L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2005, bị cáo Hồ X đến nhà bị cáo Nguyễn Hữu T để nhờ T làm hồ sơ giả nhằm hưởng chế độ thương binh, thì T đồng ý. Hồ X đã cung cấp thông tin

về quá trình tham gia Q và thông tin về địa điểm bị thương, đơn vị tham gia khi bị thương và một số giấy tờ tài liệu có liên quan khác, nhưng không có Giấy chứng nhận bị thương và Quyết định phục viên được cấp theo quy định để T làm hồ sơ giả, đồng thời đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng.

Để làm hồ sơ thương binh giả, T đã giúp Hồ Xuân V các giấy tờ, gồm: Đơn xin giám định thương tật ngày 21/9/2005 đề tên Hồ X; viết một phần nội dung trong Bản khai cá nhân ngày 21/9/2005 đề tên Hồ X; viết một phần trong Biên bản đề nghị xác nhận thương binh ngày 26/10/2005 và viết một phần trong Biên bản họp Chi hội Cựu chiến binh xác nhận thương binh ngày 26/10/2005. Ngoài ra, T còn làm giả “GIẤY CHỨNG NHẬN BỊ THƯƠNG” số 58/GCN đề ngày 10/09/1972 của Trung đoàn 99 và “QUYẾT ĐỊNH PHỤC VIÊN” số 105/QĐ ngày 20/03/1976 của Trung đoàn I. T khai nhờ ông Nguyễn Thanh M, S năm 1952, trú tại số D, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm hồ sơ thương binh giả cho Hồ X nhưng ông M không thừa nhận.

Sau khi làm xong các giấy tờ nêu trên, T đưa Hồ X đến gặp ông M để hoàn thiện hồ sơ và tiến hành giám định thương tật tại Bệnh xá số 48 thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ, đơn vị thực hiện giám định thương tật là Hội đồng giám định Y khoa Quân khu 5. Căn cứ vào “GIẤY CHỨNG NHẬN BỊ THƯƠNG” số: 58/GCN đề ngày 10/09/1972 của Trung đoàn I, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã cấp Giấy chứng nhận bị thương số 2011/GCNBT ngày 04/11/2005. Kết quả giám định thương tật đối với Hồ X theo Biên bản giám định thương tật số 9899/GĐYK ngày 15/11/2005 của Hội đồng giám định Y khoa Quân khu 5 là 41%. Đến ngày 25/12/2005, Bộ đã ban hành Quyết định số 52/QĐ về việc cấp giấy chứng nhận và trợ cấp ưu đãi thương binh cho Hồ X và Quyết định có hiệu lực từ ngày 15/11/2005 và đến ngày 10/7/2006, Phòng chính sách Cục C1 có Giấy giới thiệu số 149/GGT về việc di chuyển hồ sơ và trợ cấp phụ cấp ưu đãi người có công của Hồ X đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ để chi trả trợ cấp, phụ cấp cho Hồ X kể từ tháng 11/2005.

Đến ngày 30/10/2017, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ đã ra Quyết định thanh tra về việc lập hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi thương binh và tại Kết luận thanh tra số: 2401 ngày 11/12/2017 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ đối với hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi thương binh của Hồ X, kết luận: “*Giấy Chứng nhận bị thương số 58/GCN ngày 10/9/1972 của Trung đoàn 99 cấp cho ông Hồ X là không có cơ sở vì giai đoạn từ tháng 5/1972 - 4/1973, Trung đoàn 99 không có ai là Đại úy, Chính ủy Hoàng T1 - người trực tiếp kí Giấy Chứng nhận bị thương cho ông Hồ Xuân . Đối chiếu với Thông tư Liên tịch số 16/1998/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25 tháng 11 năm 1998 của Bộ L1, Bộ Q1, Bộ C2 hướng dẫn một số điểm về việc công nhận và giải quyết quyền lợi đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh,*

thì hồ sơ thương binh của Hồ Xuân K đủ điều kiện để hưởng chế độ ưu đãi thương binh”. Do vậy, ngày 21/12/2017, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ đã ra quyết định số: 1066/QĐ-SLĐTBXH về việc đình chỉ trợ cấp và thu hồi chế độ thương binh đối với Hồ X, số tiền bị truy thu mà Hồ X đã nhận từ tháng 11/2005 đến hết tháng 3/2017 là 193.325.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành làm việc với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ và xác định được tổng số tiền mà Hồ X đã chiếm đoạt từ tháng 11/2005 đến hết tháng 3/2017 là 195.675.000 đồng (gồm: 193.325.000 đồng tiền trợ cấp hàng tháng và 2.350.000 đồng tiền quà lễ, Tết nguyên đán và quà lễ nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7)

Kết quả điều tra, xác minh: Danh sách quân nhân bị thương, danh sách quân nhân phục viên, xuất ngũ và mẫu quyết định xuất ngũ của Lữ đoàn 99 do điều kiện lịch sử, đơn vị di chuyển nhiều đơn vị đóng quân, trải qua nhiều thế hệ, việc bàn giao, hồ sơ lưu trữ không được đầy đủ nên không có cơ sở để cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu liên quan đến ông Hồ X; Năm 1976 Trung đoàn 99 không có ai là Thiếu tá - Trung đoàn trưởng Lê Huy Đ như trong Quyết định phục viên số 105/QĐ, ngày 20/3/1976 của ông Hồ X; Năm 1972 Trung đoàn 99 không có ai là Đại úy - Chính ủy Hoàng Trù như trong Giấy chứng nhận bị thương số 58/GCN ngày 10/9/1972 của ông Hồ X; Trung đoàn 99 giai đoạn 1972-1976 không có đơn vị C4/D31, tuy nhiên có bệnh xá của Trung đoàn để khám và điều trị cho quân nhân; Do điều kiện lịch sử, đơn vị di chuyển nhiều đơn vị đóng quân, trải qua nhiều thế hệ, việc bàn giao, hồ sơ lưu trữ không được đầy đủ nên Lữ đoàn công binh cầu đường ĐBV 99 không có cơ sở để cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu liên quan đến ông Hồ Xuân .

Tại Bản Kết luận giám định số: 5927/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của V1 - Bộ C2 đối với Giấy chứng nhận bị thương số 58/GCN ngày 10/9/1972 của Trung đoàn I (Ký hiệu A1), kết luận:

“5.1. Chữ ký mang tên Hoàng T1, các chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký, chữ viết trực tiếp.

5.2. Các chữ in màu đen trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo bởi phương pháp in laser.

5.3. Hình dấu tròn có nội dung “QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRUNG ĐOÀN 99” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là hình dấu đóng.

5.4. Hình dấu tròn có nội dung “QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM TRUNG ĐOÀN 99” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với dấu mẫu của Trung đoàn I do Binh đoàn A, Bộ Q1 cung cấp ký hiệu M1 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

5.5. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Hữu T trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người viết ra.

5.6. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết của Nguyễn Hữu T trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 do cùng một người viết ra (BL: 313 - 314).

Tại Bản Kết luận giám định số: 1312/KL-KTHS, ngày 20/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đối với Biên bản đề nghị xác nhận thương binh (Ký hiệu A1) và biên bản họp Chi hội Cựu chiến binh xác nhận bị thương (Ký hiệu A2) kết luận:

“1. Chữ viết tại các mục: “Nguyên quán”; “Chỗ ở hiện nay”; “Trường hợp bị thương”; “Nơi bị thương” trên các tài liệu giám định ký hiệu A1 và tại các mục: “Nguyên quán”; “Chỗ ở hiện nay”; “Nơi bị thương” trên các tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ viết phần nội dung trên mẫu tài liệu cần so sánh ký hiệu M1, M2 và chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết có nội dung “Hồ Xuân” tại mục: “Đã họp xem xét thông qua Hồ sơ thương binh của ông, bà” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và tại mục: “Đã họp xét thông qua hồ sơ thương binh của Đ/c” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết phần nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không” (BL: 318 - 319).

Tại Bản Kết luận giám định số: 1496/KL-KTHS, ngày 25/12/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đối với Biên bản đề nghị xác nhận bị thương (Ký hiệu A1) và Biên bản họp Chi hội Cựu chiến binh xác nhận thương binh (Ký hiệu A2) kết luận:

“1. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 13 (tính từ trên xuống) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dòng thứ 5 đến dòng thứ 10 (tính từ trên xuống) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết mang tên Hồ Xuân trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người viết ra hay không.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 13 (tính từ trên xuống) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dòng thứ 5 đến dòng thứ 10 (tính từ trên xuống) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 có phải do cùng một người viết ra hay không”.

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ 01 bản gốc Giấy chứng nhận bị thương số: 58/GCN, ngày 10/09/1972 của Trung đoàn I; 01 bản sao y Quyết định phục viên số: 105/QĐ ngày 20/03/1976 của Trung đoàn 99; 01 bản gốc Đơn xin giám định thương tật ngày 21/9/2005 đề tên Hồ X; 01 bản

gốc bản khai cá nhân ngày 21/9/2005 đề tên Hồ X; 01 bản gốc biên bản đề nghị xác nhận thương binh ngày 26/10/2005 của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các Đoàn thể nhân dân xã Ea Tiêu; 01 bản gốc biên bản họp Chi hội Cựu chiến binh xác nhận thương binh ngày 26/10/2005 của Chi hội Cựu chiến binh thôn F, xã E.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ X đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Nhà nước là 195.675.000 đồng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 267; điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Hồ Xuân 0 (M1) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 02 (H1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của cả hai tội. Buộc bị cáo Hồ X phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, về TNDS, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/01/2025 bị cáo Hồ X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Mức án mà bản án đã tuyên phạt là quá nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ Trách nhiệm hình sự, đã trên 70 tuổi, hiện đang mắc nhiều bệnh, thực tế bị cáo có tham gia Q, gia đình có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo không trực tiếp làm giả hồ sơ thương binh mà nhờ Nguyễn Hữu T làm hồ sơ thương binh giả và sử dụng tài liệu giả để hưởng chế độ nên bị cáo phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267; điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, o, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Hồ X 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Hồ X phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm tù.

Đối với nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo thì theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC (Sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 02/2018/NQ-HĐTP) thì bị cáo không được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh mà án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên về mức hình phạt mà án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá nặng, bởi lẽ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt; bị cáo hiện nay là người già (73 tuổi), sức khỏe yếu và thường xuyên bị bệnh; hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn; bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ nhưng do bị mất giấy tờ nên mới làm giả hồ sơ thương binh để được hưởng chế độ; được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến; Bố của bị cáo cũng là người có công với cách mạng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo vì bị cáo đã già yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Hồ X tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào năm 2005, bị cáo Hồ X đã nhờ bị cáo Nguyễn Hữu T làm giả hồ sơ thương binh cho bị cáo X để hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, bị cáo đã đưa cho Nguyễn Hữu T số tiền 5.000.000 đồng và đã cung cấp thông tin về quá trình tham gia Q, thông tin về địa điểm bị thương, đơn vị tham gia khi bị thương để bị cáo T làm hồ sơ giả, trong đó có Giấy chứng nhận bị thương, Quyết định phục viên. Bị cáo đã sử dụng tài liệu giả để nhận chế độ trợ cấp đối với thương binh. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2005 đến hết tháng 3 năm 2017, bị cáo X được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đ chi trả tổng số tiền là 195.675.000 đồng (gồm: 193.325.000 đồng tiền trợ cấp hàng tháng và 2.350.000

đồng tiền quà lễ, Tết nguyên đán và quà lễ nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7). Do đó, quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk về tội danh của bị cáo là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt:

* Đối với tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Hành vi của bị cáo được quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 có khung hình phạt tù từ hai năm đến năm năm. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ X mức án 01 năm tù, bằng mức án dành cho bị cáo T là không thỏa đáng, bởi lẽ bị cáo X có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, trong khi bị cáo T đã có 03 Bản án xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bằng hình thức làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do đó, có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hồ X, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn bị cáo Nguyễn Hữu T là phù hợp.

* Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Tại Điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

Bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 193.325.000 đồng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án ở đầu khung hình phạt là khoan hồng. Tuy nhiên, số tiền trên bị cáo không chiếm đoạt một lần mà chiếm đoạt bằng hình thức nhận trợ cấp hàng tháng kể từ tháng 11 năm 2005 đến hết tháng 3 năm 2017. Mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng sau khi bị phát hiện, bị cáo và gia đình đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Nhà nước. Bị cáo có tham gia Quân đội, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba, có con trai nhiễm chất độc da cam, có Bố tham gia dân công hỏa tuyến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng chế độ trợ cấp một lần. Thời điểm xét xử, bị cáo đã 86 tuổi, gia đình bị cáo cung cấp nhiều tài liệu thể hiện bị cáo bị nhiều bệnh từ năm 2007 đến nay cần được chăm sóc, điều trị. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[2.2] Về nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo bị xét xử cùng một lần về hai tội là “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, các tội danh trên không có hình phạt

Cải tạo không giam giữ và đều là các tội nghiêm trọng nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC (Sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 02/2018/NQ-HĐTP). Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này. Trường hợp đủ điều kiện hoãn chấp hành án phạt tù thì bị cáo làm đơn và cung cấp tài liệu để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Hồ X, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 139; điểm c khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: bị cáo Hồ Xuân 01 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Hồ X phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

[3] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Công an tỉnh Đắk Lắk (PV 06);
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hương